

Số: 1207/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên Đại học khóa 14
Học kỳ 2 năm học 2019-2020**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04/7/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-ĐHCN ngày 06/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, về việc ban hành Quy định xét học bổng cho sinh viên;

Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên và biên bản họp xét học bổng ngày 10/12/2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên **Đại học khóa 14 - học kỳ 2** thuộc các đối tượng theo quy định (*Danh sách chi tiết kèm theo*)

Với tổng số tiền: **912.500.000** đồng

(Chín trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập và thời gian được thực hiện theo Quyết định số 579/QĐ-ĐHCN ngày 13/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, về việc ban hành mức học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên năm học 2019-2020.

Điều 3. Trưởng các Phòng: Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tổ chức-Hành chính, Tài chính-Kế toán, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*ly*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, CT SV.



Phạm Văn Bổng

DANH SÁCH
Sinh viên nhận học bổng khuyến khích học tập năm học 2019-2020
Hệ Đại học khóa 14 - Học kỳ 2

(Kèm theo Quyết định số: 1207/QĐ-ĐHCN ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBC	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ghi chú
CÔNG NGHỆ DỆT, MAY							22.500.000	
1	2019607515	Phạm Thị Hường	2019DHCNMA03	3.62	Tốt	BP	2.500.000	
2	2019604573	Đỗ Thị Anh	2019DHCNMA02	3.59	Tốt	BP	2.500.000	
3	2019604340	Dương Thị Thúy Vân	2019DHCNMA02	3.53	Tốt	BP	2.500.000	
4	2019600682	Nguyễn Thị Hương	2019DHCNMA01	3.5	Tốt	BP	2.500.000	
5	2019603910	Đào Thị Vân Anh	2019DHCNMA02	3.41	Tốt	BP	2.500.000	
6	2019604032	Vũ Thị Thêu	2019DHCNMA02	3.41	Tốt	BP	2.500.000	
7	2019607579	Thân Thị Linh Chi	2019DHCNMA03	3.38	XS	BP	2.500.000	
8	2019604338	Dương Thị Thúy Kiều	2019DHCNMA02	3.38	Tốt	BP	2.500.000	
9	2019603594	Hoàng Thị Thuý Linh	2019DHCNMA02	3.35	XS	BP	2.500.000	
CNKT CƠ ĐIỆN TỬ							35.000.000	
1	2019601329	Nguyễn Quốc Việt	2019DHCODT01	3.84	XS	TP	5.000.000	
2	2019604742	Trần Đình Phụng	2019DHCODT03	3.78	XS	TP	5.000.000	
3	2019605964	Trần Đình Đoàn	2019DHCODT04	3.76	XS	TP	5.000.000	
4	2019603484	Tạ Công Thành	2019DHCODT02	3.76	XS	TP	5.000.000	
5	2019600126	Lê Minh Đạo	2019DHCODT01	3.71	XS	TP	5.000.000	
6	2019603486	Nguyễn Huy Hoàng	2019DHCODT02	3.68	XS	TP	5.000.000	
7	2019605741	Nghiêm Anh Dũng	2019DHCODT03	3.68	XS	TP	5.000.000	
CNKT CƠ KHÍ							62.500.000	
1	2019600513	Lê Văn An	2019DHCOKH01	3.8	XS	TP	5.000.000	
2	2019606713	Nguyễn Mạnh Hùng	2019DHCOKH07	3.58	XS	BP	2.500.000	
3	2019600877	Đào Văn Toàn	2019DHCOKH01	3.53	XS	BP	2.500.000	
4	2019606261	Lê Công Sang	2019DHCOKH07	3.53	XS	BP	2.500.000	
5	2019600818	Đỗ Ngọc Sơn	2019DHCOKH01	3.53	XS	BP	2.500.000	
6	2019605356	Trần Thị Thu Hà	2019DHCOKH05	3.5	XS	BP	2.500.000	
7	2019601744	Lê Bá Toàn	2019DHCOKH02	3.5	XS	BP	2.500.000	
8	2019605375	Hoàng Anh Tài	2019DHCOKH05	3.47	Tốt	BP	2.500.000	
9	2019602886	Nguyễn Minh Hiếu	2019DHCOKH03	3.43	XS	BP	2.500.000	
10	2019606718	Đào Công Lâm	2019DHCOKH07	3.42	XS	BP	2.500.000	
11	2019600807	Lê Hồng Doanh	2019DHCOKH01	3.4	XS	BP	2.500.000	
12	2019603756	Dương Anh Đức	2019DHCOKH04	3.4	XS	BP	2.500.000	
13	2019601253	Đỗ Xuân Hào	2019DHCOKH02	3.39	XS	BP	2.500.000	
14	2019605666	Trương Trọng Thi	2019DHCOKH06	3.38	XS	BP	2.500.000	
15	2019601167	Cao Văn Đạt	2019DHCOKH01	3.37	XS	BP	2.500.000	
16	2019600862	Nguyễn Đình Mạnh	2019DHCOKH01	3.36	XS	BP	2.500.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBC	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ghi chú
17	2019606883	Ngọc Xuân Kiên	2019DHCOKH07	3.33	XS	BP	2.500.000	
18	2019606095	Hoàng Văn Quang	2019DHCOKH06	3.33	XS	BP	2.500.000	
19	2019602922	Nguyễn Tiên Thái	2019DHCOKH03	3.3	XS	BP	2.500.000	
20	2019602570	Trần Quang Hà	2019DHCOKH03	3.3	XS	BP	2.500.000	
21	2019604467	Lê Đức Hiếu	2019DHCOKH04	3.29	XS	BP	2.500.000	
22	2019606747	Nguyễn Văn Lợi	2019DHCOKH07	3.27	XS	BP	2.500.000	
23	2019606759	Vũ Hồng Sơn	2019DHCOKH07	3.26	XS	BP	2.500.000	
24	2019605651	Nguyễn Hoàng Thông	2019DHCOKH06	3.26	XS	BP	2.500.000	
CNKT ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG							60.000.000	
1	2019600642	Nguyễn Thị Vân Anh	2019DHDTTTT01	3.89	XS	TP	5.000.000	
2	2019602327	Trần Thị Thùy Minh	2019DHDTTTT03	3.89	XS	TP	5.000.000	
3	2019602908	Đặng Tiến Đạt	2019DHDTTTT03	3.82	XS	TP	5.000.000	
4	2019600655	Phan Tuấn Anh	2019DHDTTTT01	3.79	XS	TP	5.000.000	
5	2019601028	Vương Thị Yến	2019DHDTTTT01	3.75	XS	TP	5.000.000	
6	2019607061	Nguyễn Thị Phương Dung	2019DHDTTTT07	3.75	XS	TP	5.000.000	
7	2019606900	Bùi Duy Ngọc	2019DHDTTTT07	3.75	XS	TP	5.000.000	
8	2019600533	Bùi Thị Huyền Diệu	2019DHDTTTT01	3.75	XS	TP	5.000.000	
9	2019600972	Nguyễn Văn Định	2019DHDTTTT01	3.75	XS	TP	5.000.000	
10	2019602669	Vũ Thúy Hiền	2019DHDTTTT03	3.71	XS	TP	5.000.000	
11	2019601963	Nguyễn Đỗ Tài	2019DHDTTTT02	3.66	XS	TP	5.000.000	
12	2019606275	Bùi Công Đức	2019DHDTTTT07	3.66	XS	TP	5.000.000	
CNKT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ							65.000.000	
1	2019602745	Nguyễn Thị Nga	2019DHDIEN03	3.81	XS	TP	5.000.000	
2	2019601759	Lê Bá Tuyên	2019DHDIEN02	3.74	XS	TP	5.000.000	
3	2019604697	Hoàng Văn Lâm	2019DHDIEN05	3.65	XS	TP	5.000.000	
4	2019607244	Lê Văn Phong	2019DHDIEN08	3.62	XS	TP	5.000.000	
5	2019603848	Nguyễn Văn Tân	2019DHDIEN04	3.57	XS	BP	2.500.000	
6	2019602560	Nguyễn Duy Quang	2019DHDIEN03	3.56	XS	BP	2.500.000	
7	2019602641	Đặng Thị Hậu	2019DHDIEN03	3.55	XS	BP	2.500.000	
8	2019607270	Hồ Sỹ Tạo	2019DHDIEN08	3.53	XS	BP	2.500.000	
9	2019601999	Dương Văn Trọng	2019DHDIEN02	3.5	XS	BP	2.500.000	
10	2019602011	Bùi Xuân Trọng	2019DHDIEN02	3.5	XS	BP	2.500.000	
11	2019603109	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	2019DHDIEN03	3.5	XS	BP	2.500.000	
12	2019602792	Vũ Đức Hải	2019DHDIEN03	3.5	XS	BP	2.500.000	
13	2019606295	Đặng Văn Hùng	2019DHDIEN07	3.47	Tốt	BP	2.500.000	
14	2019602321	Nguyễn Thị Diễm	2019DHDIEN02	3.47	XS	BP	2.500.000	
15	2019600567	Đoàn Hải Ngọc	2019DHDIEN01	3.43	Tốt	BP	2.500.000	
16	2019606164	Trần Văn Đình	2019DHDIEN07	3.41	Tốt	BP	2.500.000	
17	2019603983	Nguyễn Khánh Duy	2019DHDIEN05	3.41	Tốt	BP	2.500.000	
18	2019600102	Nguyễn Kim Đồng	2019DHDIEN01	3.41	Tốt	BP	2.500.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBC	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ghi chú
19	2019603161	Đỗ Sinh Hùng	2019DHDHIEN03	3.41	Tốt	BP	2.500.000	
20	2019602753	Nguyễn Thị Huyền	2019DHDHIEN03	3.39	XS	BP	2.500.000	
21	2019604687	Nguyễn Thành Công	2019DHDHIEN05	3.39	Tốt	BP	2.500.000	
22	2019607022	Lê Quang Đạt	2019DHDHIEN08	3.38	Tốt	BP	2.500.000	
CNKT ĐIỀU KHIỂN VÀ TĐH							35.000.000	
1	2019600099	Nguyễn Văn Thành	2019DHDKTD01	3.8	XS	TP	5.000.000	
2	2019607049	Nguyễn Văn Mạnh	2019DHDKTD04	3.75	XS	TP	5.000.000	
3	2019600625	Nguyễn Văn Kiên	2019DHDKTD01	3.75	XS	TP	5.000.000	
4	2019600522	Nguyễn Thu Hương	2019DHDKTD01	3.73	XS	TP	5.000.000	
5	2019600323	Nguyễn Anh Quý	2019DHDKTD01	3.73	XS	TP	5.000.000	
6	2019602285	Nguyễn Văn Thắng	2019DHDKTD02	3.68	XS	TP	5.000.000	
7	2019606830	Phạm Sơn Lâm	2019DHDKTD04	3.67	XS	TP	5.000.000	
CNKT HÓA HỌC							15.000.000	
1	2019602444	Phan Thị Phương Thảo	2019DHKTHH01	3.6	XS	TP	5.000.000	
2	2019607630	Trần Thị Huyền	2019DHKTHH02	3.58	XS	BP	2.500.000	
3	2019604732	Nguyễn Thế Thắng	2019DHKTHH01	3.53	XS	BP	2.500.000	
4	2019607376	Đỗ Minh Huệ	2019DHKTHH02	3.36	XS	BP	2.500.000	
5	2019607454	Nguyễn Thị Bích Hồng	2019DHKTHH02	3.28	XS	BP	2.500.000	
CNKT MÁY TÍNH							17.500.000	
1	2019604485	Nguyễn Văn Dũng	2019DHKTMT02	3.8	XS	TP	5.000.000	
2	2019602369	Nguyễn Thị Mai Thủy	2019DHKTMT01	3.68	XS	TP	5.000.000	
3	2019606083	Trần Văn Chính	2019DHKTMT02	3.58	XS	BP	2.500.000	
4	2019600007	Tổng Bá Xuân	2019DHKTMT01	3.56	XS	BP	2.500.000	
5	2019603470	Trần Cao Thắng	2019DHKTMT01	3.53	XS	BP	2.500.000	
CNKT MÔI TRƯỜNG							2.500.000	
1	2019607494	Lê Xuân Đạo	2019DHHMOIT01	3.17	Tốt	BP	2.500.000	
CNKT NHIỆT							17.500.000	
1	2019601011	Trần Chí Cường	2019DHNHIE01	3.63	XS	TP	5.000.000	
2	2019604179	Cao Văn Duẩn	2019DHNHIE02	3.56	XS	BP	2.500.000	
3	2019602676	Nguyễn Khoa Thanh	2019DHNHIE01	3.26	Tốt	BP	2.500.000	
4	2019604664	Vũ Quý Toàn	2019DHNHIE02	3.12	Tốt	BP	2.500.000	
5	2019606505	Nguyễn Văn Mạnh	2019DHNHIE02	3.03	Tốt	BP	2.500.000	
6	2019606587	Nguyễn Hữu Việt	2019DHNHIE02	2.88	Tốt	BP	2.500.000	
CNKT Ô TÔ							50.000.000	
1	2019600937	Chu Tuấn Anh	2019DHKTOT01	3.85	Tốt	BP	2.500.000	
2	2019605187	Nguyễn Xuân Quỳnh	2019DHKTOT04	3.63	Tốt	BP	2.500.000	
3	2019607111	Hoàng Văn Hoán	2019DHKTOT06	3.6	Tốt	BP	2.500.000	
4	2019605905	Nguyễn Viết Thành	2019DHKTOT05	3.55	Tốt	BP	2.500.000	
5	2019600806	Nguyễn Văn Tuấn	2019DHKTOT01	3.52	Tốt	BP	2.500.000	
6	2019607107	Hồ Vĩnh Hiệp	2019DHKTOT06	3.52	Tốt	BP	2.500.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBC	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ghi chú
7	2019606517	Trịnh Trọng Huy	2019DHKTOT06	3.48	Tốt	BP	2.500.000	
8	2019601166	Phạm Minh Tuấn	2019DHKTOT01	3.48	Tốt	BP	2.500.000	
9	2019601590	Vũ Quang Thái	2019DHKTOT01	3.48	Tốt	BP	2.500.000	
10	2019600543	Nguyễn Trung Tiến	2019DHKTOT01	3.46	Tốt	BP	2.500.000	
11	2019606290	Nguyễn Đức Sơn	2019DHKTOT05	3.45	Tốt	BP	2.500.000	
12	2018606759	Nguyễn Hữu Quý	2019DHKTOT01	3.45	XS	BP	2.500.000	
13	2019603112	Phạm Văn Hiếu	2019DHKTOT03	3.42	Tốt	BP	2.500.000	
14	2019605148	Vũ Xuân Đức	2019DHKTOT04	3.41	Tốt	BP	2.500.000	
15	2019600656	Nguyễn Đình Nam	2019DHKTOT01	3.4	Tốt	BP	2.500.000	
16	2019600379	Đào Khắc Phương Nam	2019DHKTOT01	3.4	Tốt	BP	2.500.000	
17	2019600700	Vũ Thành Hoàng Anh	2019DHKTOT01	3.38	Tốt	BP	2.500.000	
18	2019601134	Lê Doãn Triển	2019DHKTOT01	3.38	Tốt	BP	2.500.000	
19	2019601328	Nguyễn Văn Dương	2019DHKTOT01	3.38	Tốt	BP	2.500.000	
20	2019600297	Đinh Đức Toàn	2019DHKTOT01	3.33	Tốt	BP	2.500.000	
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN							50.000.000	
1	2019602571	Nguyễn Thị Huyền	2019DHCNTT02	3.84	XS	TP	5.000.000	
2	2019603280	Phạm Thị Quỳnh Hoa	2019DHCNTT03	3.79	XS	TP	5.000.000	
3	2019603196	Hoàng Trung Quân	2019DHCNTT03	3.71	XS	TP	5.000.000	
4	2019603246	Lương Đăng Huy	2019DHCNTT03	3.68	XS	TP	5.000.000	
5	2019606474	Nguyễn Thị Thu Hương	2019DHCNTT06	3.68	XS	TP	5.000.000	
6	2019602384	Vũ Thiên Lý	2019DHCNTT02	3.68	XS	TP	5.000.000	
7	2019602572	Nguyễn Long Nhật	2019DHCNTT02	3.68	XS	TP	5.000.000	
8	2019606720	Vương Thị Thanh Cảnh	2019DHCNTT06	3.68	XS	TP	5.000.000	
9	2019605106	Nguyễn Thị Tú Anh	2019DHCNTT05	3.65	XS	TP	5.000.000	
10	2019603977	Phạm Ánh Trường	2019DHCNTT04	3.63	XS	TP	5.000.000	
CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM							22.500.000	
1	2019607606	Phạm Đình Hiếu	2019DHHTP03	3.56	XS	BP	2.500.000	
2	2019603255	Hồ Thị Thương	2019DHHTP02	3.56	XS	BP	2.500.000	
3	2019607725	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	2019DHHTP03	3.48	XS	BP	2.500.000	
4	2019601707	Lê Thị Phương Thanh	2019DHHTP01	3.38	XS	BP	2.500.000	
5	2019607554	Trần Thị Hồng	2019DHHTP03	3.32	XS	BP	2.500.000	
6	2019607547	Đặng Thùy Trang	2019DHHTP03	3.25	XS	BP	2.500.000	
7	2019602486	Lê Phương Linh	2019DHHTP01	3.2	XS	BP	2.500.000	
8	2019603073	Nguyễn Thị Phương Thảo	2019DHHTP02	3.18	Tốt	BP	2.500.000	
9	2019601313	Nguyễn Việt Dũng	2019DHHTP01	3.18	Tốt	BP	2.500.000	
CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU DỆT, MAY							2.500.000	
1	2019607571	Nguyễn Thị Thơm	2019DHSVLD01	3.53	XS	BP	2.500.000	
DU LỊCH							15.000.000	
1	2019607309	Nguyễn Thị Minh	2019DHDULI02	3.57	XS	BP	2.500.000	
2	2019603799	Nguyễn Thị Tuyết	2019DHDULI01	3.47	XS	BP	2.500.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBC	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ghi chú
3	2019607114	Nguyễn Văn Quyền	2019DHDULI02	3.44	XS	BP	2.500.000	
4	2019600537	Nguyễn Thị Thùy	2019DHDULI01	3.44	XS	BP	2.500.000	
5	2019602436	Trần Thị Tuyền	2019DHDULI01	3.42	XS	BP	2.500.000	
6	2019604915	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2019DHDULI02	3.38	XS	BP	2.500.000	
HỆ THỐNG THÔNG TIN							15.000.000	
1	2019600225	Nguyễn Nhật Tân	2019DHHTTT01	3.92	XS	TP	5.000.000	
2	2019600158	Nguyễn Thị Thu Trang	2019DHHTTT01	3.83	XS	TP	5.000.000	
3	2019602311	Trịnh Hoàng Anh	2019DHHTTT01	3.77	XS	TP	5.000.000	
KẾ TOÁN							95.000.000	
1	2019600153	Lê Thị Thu Trang	2019DHKETO01	3.93	XS	TP	5.000.000	
2	2019606112	Trương Thị Phương	2019DHKETO10	3.87	XS	TP	5.000.000	
3	2019605359	Vũ Thị Thúy	2019DHKETO08	3.87	XS	TP	5.000.000	
4	2019604023	Đoàn Thị Hồng Nhung	2019DHKETO07	3.83	XS	TP	5.000.000	
5	2019604881	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	2019DHKETO08	3.83	XS	TP	5.000.000	
6	2019604090	Đỗ Thị Thanh Thoa	2019DHKETO07	3.83	XS	TP	5.000.000	
7	2019606238	Nguyễn Thu Hoa	2019DHKETO10	3.8	XS	TP	5.000.000	
8	2019600088	Nguyễn Thu Uyên	2019DHKETO01	3.8	XS	TP	5.000.000	
9	2019604802	Vũ Thị Hương	2019DHKETO07	3.8	XS	TP	5.000.000	
10	2019600487	Phạm Thị Thanh Huyền	2019DHKETO01	3.8	XS	TP	5.000.000	
11	2019604457	Phạm Thu Quyên	2019DHKETO07	3.77	XS	TP	5.000.000	
12	2019601606	Nguyễn Thị Ngọc Lan	2019DHKETO03	3.77	XS	TP	5.000.000	
13	2019604404	Lê Thị Ngọc Ánh	2019DHKETO07	3.73	XS	TP	5.000.000	
14	2019605965	Lê Thị Thu Trang	2019DHKETO10	3.71	XS	TP	5.000.000	
15	2019605403	Nguyễn Thị Thảo	2019DHKETO08	3.7	XS	TP	5.000.000	
16	2019607155	Nguyễn Thị Trang	2019DHKETO07	3.7	XS	TP	5.000.000	
17	2019604803	Lê Thị Hoa	2019DHKETO07	3.7	XS	TP	5.000.000	
18	2019606115	Nguyễn Thị Yến	2019DHKETO10	3.69	XS	TP	5.000.000	
19	2019607156	Nguyễn Thị Mai	2019DHKETO07	3.67	XS	TP	5.000.000	
KHOA HỌC MÁY TÍNH							15.000.000	
1	2019604965	Đào Thanh Tùng	2019DHKHMT02	3.78	XS	TP	5.000.000	
2	2019601338	Bùi Mạnh Thắng	2019DHKHMT01	3.76	XS	TP	5.000.000	
3	2019601138	Trần Ngọc Hải	2019DHKHMT01	3.73	XS	TP	5.000.000	
KIỂM TOÁN							17.500.000	
1	2019606631	Doãn Thị Dịu	2019DHKIEM02	3.77	XS	TP	5.000.000	
2	2019605605	Tạ Thị Hà	2019DHKIEM02	3.6	XS	TP	5.000.000	
3	2019605244	Nguyễn Thị Huế	2019DHKIEM02	3.54	XS	BP	2.500.000	
4	2019600446	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2019DHKIEM01	3.54	XS	BP	2.500.000	
5	2019603314	Nguyễn Thị Phương Nhung	2019DHKIEM01	3.42	XS	BP	2.500.000	
KINH TẾ ĐẦU TƯ							12.500.000	
1	2019606577	Phạm Thị Thùy Dung	2019DHKTD02	3.63	XS	TP	5.000.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBC	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ghi chú
2	2019607162	Nguyễn Thị Ngọc	2019DHKTD02	3.61	XS	TP	5.000.000	
3	2019606542	Khuông Thị Quỳnh An	2019DHKTD02	3.5	XS	BP	2.500.000	
KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP							7.500.000	
1	2019600623	Phạm Việt Anh	2019DHHTCN01	3.5	XS	BP	2.500.000	
2	2019601319	Dương Hồng Phong	2019DHHTCN01	3.24	XS	BP	2.500.000	
3	2019602017	Trần Xuân Lâm	2019DHHTCN01	3.24	XS	BP	2.500.000	
KỸ THUẬT PHẦN MỀM							32.500.000	
1	2019601992	Trần Quang Hưng	2019DHKTPM02	3.81	XS	TP	5.000.000	
2	2019601442	Lê Thị Trang	2019DHKTPM01	3.69	XS	TP	5.000.000	
3	2019605957	Đào Thị Thúy	2019DHKTPM04	3.67	XS	TP	5.000.000	
4	2019600941	Phạm Thị Việt Anh	2019DHKTPM01	3.62	XS	TP	5.000.000	
5	2019600527	Đỗ Thị Thu Hương	2019DHKTPM01	3.59	XS	BP	2.500.000	
6	2019605690	Mai Thị Hường	2019DHKTPM04	3.58	XS	BP	2.500.000	
7	2019606002	Đinh Thị Hồng Ngọc	2019DHKTPM04	3.58	XS	BP	2.500.000	
8	2019605959	Trần Huy Cảnh	2019DHKTPM04	3.57	XS	BP	2.500.000	
9	2019604335	Nguyễn Đình Tùng Lâm	2019DHKTPM03	3.56	XS	BP	2.500.000	
MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU							10.000.000	
1	2019604321	Phạm Thị Vân Anh	2019DHTTMT01	3.54	XS	BP	2.500.000	
2	2019602769	Trịnh Thị Hương	2019DHTTMT01	3.46	XS	BP	2.500.000	
3	2019601105	Đàm Thị Loan	2019DHTTMT01	3.11	XS	BP	2.500.000	
4	2019603626	Nguyễn Bá Chuyên	2019DHTTMT01	2.82	Tốt	BP	2.500.000	
MARKETING							15.000.000	
1	2019600706	Đặng Ngọc Châm	2019DHMARK01	3.88	XS	TP	5.000.000	
2	2019603900	Phạm Hoàng Như Ngọc	2019DHMARK01	3.86	XS	TP	5.000.000	
3	2019601343	Nguyễn Thị Cam	2019DHMARK01	3.82	XS	TP	5.000.000	
NGÔN NGỮ ANH							22.500.000	
1	2019607344	Đào Thu Huệ	2019DHNNAN02	3.3	XS	BP	2.500.000	
2	2019602112	Lê Thị Thu Thảo	2019DHNNAN02	3.27	XS	BP	2.500.000	
3	2019607543	Kiều Thị Thu Huyền	2019DHNNAN02	3.21	XS	BP	2.500.000	
4	2019607732	Hoàng Văn Việt	2019DHNNAN02	3	Tốt	BP	2.500.000	
5	2019603412	Lương Thị Anh Thơ	2019DHNNAN03	2.98	Tốt	BP	2.500.000	
6	2019602043	Nguyễn Thị Thu	2019DHNNAN01	2.96	XS	BP	2.500.000	
7	2019604049	Đoàn Thị Phương Anh	2019DHNNAN01	2.95	Tốt	BP	2.500.000	
8	2019607341	Nguyễn Thị Thơm	2019DHNNAN02	2.95	Tốt	BP	2.500.000	
9	2019603768	Phan Hoàng Lệ Thủy	2019DHNNAN01	2.93	Tốt	BP	2.500.000	
NGÔN NGỮ HÀN QUỐC							10.000.000	
1	2019604424	Nông Thị Hòa	2019DHNNHQ01	3.36	Tốt	BP	2.500.000	
2	2019600121	Lê Vũ Quỳnh Như	2019DHNNHQ01	3.28	XS	BP	2.500.000	
3	2019603985	Lê Linh Nhi	2019DHNNHQ01	3.28	Tốt	BP	2.500.000	
4	2019600171	Nguyễn Hồng Liên	2019DHNNHQ01	3.26	XS	BP	2.500.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBC	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ghi chú
NGÔN NGỮ NHẬT							2.500.000	
1	2019607718	Khiếu Thị Ngọc Lý	2019DHNNNB01	3.57	Tốt	BP	2.500.000	
NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC							12.500.000	
1	2019607546	Lê Thị Thùy Trang	2019DHNNTQ02	3.68	XS	TP	5.000.000	
2	2019604089	Đoàn Thị Mai Lan	2019DHNNTQ01	3.56	Tốt	BP	2.500.000	
3	2019607728	Đặng Thị Thùy	2019DHNNTQ02	3.52	Tốt	BP	2.500.000	
4	2019607413	Nông Thị Chiêm	2019DHNNTQ02	3.48	Tốt	BP	2.500.000	
QUẢN TRỊ DV DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH							30.000.000	
1	2019601211	Nghiêm Thị Yến	2019DHQTLH01	3.79	XS	TP	5.000.000	
2	2019602013	Nguyễn Thị Hiên	2019DHQTLH01	3.71	XS	TP	5.000.000	
3	2019605699	Đỗ Thị Lệ	2019DHQTLH03	3.66	XS	TP	5.000.000	
4	2019603827	Nguyễn Thị Hải Yến	2019DHQTLH02	3.66	XS	TP	5.000.000	
5	2019602566	Vương Thị Diễm Quỳnh	2019DHQTLH02	3.57	XS	BP	2.500.000	
6	2019600515	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2019DHQTLH01	3.56	XS	BP	2.500.000	
7	2019601574	Vũ Thị Phương Lan	2019DHQTLH02	3.53	XS	BP	2.500.000	
8	2019604246	Phạm Thị Diễm Quỳnh	2019DHQTLH03	3.5	XS	BP	2.500.000	
QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN							25.000.000	
1	2019601623	Nguyễn Công Văn	2019DHQTKS01	3.68	XS	TP	5.000.000	
2	2019601431	Phan Đức Long	2019DHQTKS01	3.68	XS	TP	5.000.000	
3	2019601937	Lục Thanh Thảo	2019DHQTKS01	3.66	XS	TP	5.000.000	
4	2019601689	Nguyễn Thu Hiền	2019DHQTKS01	3.61	XS	TP	5.000.000	
5	2019600955	Nguyễn Thị Ngân Hạnh	2019DHQTKS01	3.56	XS	BP	2.500.000	
6	2019602417	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2019DHQTKS01	3.55	XS	BP	2.500.000	
QUẢN TRỊ KINH DOANH							60.000.000	
1	2019604060	Bùi Đình Cường	2019DHQTKD04	3.86	XS	TP	5.000.000	
2	2019600526	Lê Thị Thùy Trinh	2019DHQTKD01	3.79	XS	TP	5.000.000	
3	2019607221	Cao Thị Hòa	2019DHQTKD02	3.71	XS	TP	5.000.000	
4	2019606243	Cao Thị Thương	2019DHQTKD06	3.71	XS	TP	5.000.000	
5	2019606015	Nguyễn Thị Hiền	2019DHQTKD06	3.71	XS	TP	5.000.000	
6	2019603110	Nguyễn Thị Hà	2019DHQTKD03	3.68	XS	TP	5.000.000	
7	2019604699	Lê Thị Hồng Ngát	2019DHQTKD04	3.68	XS	TP	5.000.000	
8	2019605555	Nguyễn Ngọc Lâm	2019DHQTKD06	3.66	XS	TP	5.000.000	
9	2019605184	Vũ Văn Hùng	2019DHQTKD05	3.64	XS	TP	5.000.000	
10	2019604640	Nguyễn Thanh Huyền	2019DHQTKD04	3.64	XS	TP	5.000.000	
11	2019607257	Nguyễn Phương Thảo	2019DHQTKD02	3.63	XS	TP	5.000.000	
12	2019605215	Lương Thị Ngọc Lan	2019DHQTKD05	3.62	XS	TP	5.000.000	
QUẢN TRỊ NHÂN LỰC							17.500.000	
1	2019604894	Nguyễn Thị Mai Loan	2019DHQTNL02	3.75	XS	TP	5.000.000	
2	2019601084	Vũ Thị Huyền	2019DHQTNL01	3.69	XS	TP	5.000.000	
3	2019604960	Đặng Thị Vân Anh	2019DHQTNL02	3.68	XS	TP	5.000.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBC	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ghi chú
4	2019603346	Trần Thị Kim Loan	2019DHQTNL01	3.59	XS	BP	2.500.000	
QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG							20.000.000	
1	2019607018	Phan Thị Thúy An	2019DHQTVP01	3.47	XS	BP	2.500.000	
2	2019600329	Trần Thị Phương	2019DHQTVP01	3.41	XS	BP	2.500.000	
3	2019604374	Hoàng Thị Thu Hà	2019DHQTVP02	3.41	XS	BP	2.500.000	
4	2019603054	Nguyễn Thị Mai	2019DHQTVP01	3.23	XS	BP	2.500.000	
5	2019603331	Nguyễn Thị Ngọc Bích	2019DHQTVP02	3.23	XS	BP	2.500.000	
6	2019602441	Đỗ Văn Phú	2019DHQTVP01	3.23	XS	BP	2.500.000	
7	2019606429	Nguyễn Thị Trang	2019DHQTVP02	3.14	XS	BP	2.500.000	
8	2019607288	Nguyễn Thị Ánh Hồng	2019DHQTVP02	3.09	XS	BP	2.500.000	
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG							15.000.000	
1	2019606646	Đỗ Thị Hà	2019DHTCNH02	3.79	XS	TP	5.000.000	
2	2019604230	Trần Thị Hà Anh	2019DHTCNH02	3.79	XS	TP	5.000.000	
3	2019606710	Nguyễn Thị Duyên	2019DHTCNH02	3.64	XS	TP	5.000.000	
THIẾT KẾ THỜI TRANG							5.000.000	
1	2019607702	Trương Thị Hải	2019DHTKTT01	3.63	Tốt	BP	2.500.000	
2	2019603230	Đinh Thị Ngọc Hoa	2019DHTKTT01	3.2	Tốt	BP	2.500.000	
		Tổng cộng					912.500.000	

Chín trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng

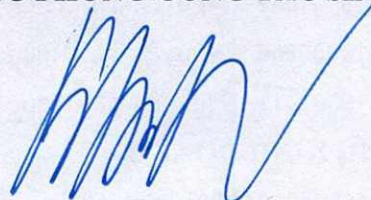
Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



Nguyễn Thị Ngọc Anh



Trần Ngọc Khánh